



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2016
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 10 NĂM 2016**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHÈ HIỆP KHÁNH**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chè Hiệp Khánh (sau đây gọi tắt là "Công ty") kính báo cáo báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016.

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 10 năm 2016	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016	14 - 33

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Chức danh viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2016:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Phạm Văn Khánh	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thảo	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2015
Ông Phạm Văn Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chè Hiệp Khánh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chè Hiệp Khánh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400257584 đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 6 lần được cấp Giấy chứng nhận thay đổi để phù hợp với tình hình hoạt động, lần thứ 6 là ngày 20 tháng 4 năm 2015.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
- Điện thoại : 0948 674 688

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất, chế biến, gia công chè;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất dao, kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Đầu tư, trồng và phát triển cây chè;
- Trồng rau, hoa, nông sản và cây dược liệu;
- Trồng rừng và trồng cây lâu năm khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: nhà xưởng, các loại máy móc công trình, công cụ, thiết bị cơ khí ô tô;
- Bán buôn, bán lẻ: kim loại và quặng kim loại, vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, đồ dùng gia đình; chè và các mặt hàng nông, lâm sản; sản xuất, chế biến, gia công nông lâm, thủy, hải sản; xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh./.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Vũ Khánh	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thắm	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2015
Ông Phạm Vũ Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đình Toàn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Hoài Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2016
Ông Vũ Văn Quân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2016

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Phạm Thị Lại	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2016
Bà Bùi Thị Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2015
Bà Phùng Thị Bích Liên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2015

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thắm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 03 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Hương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Thanh Lâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 9 năm 2016

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Vũ Khánh - Chủ tịch HĐQT (tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 4 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 10 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Phạm Vũ Khánh

Chủ tịch

Ngày 18 tháng 11 năm 2016



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : I5-13 Võ Nguyên Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 440/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chè Hiệp Khánh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 18 tháng 11 năm 2016, từ trang 7 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 10 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, trong phạm vi các nguyên tắc này có thể được áp dụng cho công việc soát xét thông tin tài chính quá khứ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 10 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015 chưa được soát xét. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 vào ngày 25 tháng 01 năm 2016 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Phạm Quang Huy

Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2016

		Đơn vị tính: VND	
		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
III	Thay đổi		
100		47.223.228.480	61.277.102.864
110	V.3	822.998.031	5.343.873.091
111		822.998.031	5.343.873.091
112			
120			
121			
122			
123			
130			
131	V.3	26.257.269.818	33.532.497.384
132	V.3	11.566.093.994	17.979.620.282
133	V.3	11.801.659.909	
134			
135	V.4		11.000.000.000
136	V.3	3.503.873.091	3.990.000.000
137	V.5	1813.228.093	055.312.997
138			
140			
141	V.3	28.175.397.362	21.347.716.591
142			
143			
144			
145			
146			
147			
148			
149			
150			
151			
152			
153	V.12	67.463.454	3.073.799
154			
155			

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 10 năm 2016

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
				Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		47.123.128.458	61.277.105.884
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	822.998.031	5.343.875.091
1.	Tiền	111		822.998.031	5.343.875.091
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120			
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		26.057.269.810	33.582.407.305
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	11.566.092.994	17.937.620.262
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	11.801.669.909	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	-	13.000.000.000
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	3.502.835.000	3.000.000.000
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		(813.328.093)	(355.212.957)
IV. Hàng tồn kho		140		20.175.397.163	22.347.715.593
1.	Hàng tồn kho	141	V.7	20.175.397.163	22.347.715.593
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		67.463.454	3.107.895
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		67.463.454	3.073.789
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	-	34.106
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		73.809.284.240	91.096.480.530

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26.686.375.782	31.809.374.652
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.128.460.500	12.628.460.500
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	9.128.460.500	12.628.460.500
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		17.469.319.415	19.098.580.834
1. Tài sản cố định hữu hình	221	Y.9	17.469.319.415	19.098.580.834
<i>Nguyên giá</i>	222		23.174.296.151	23.174.296.151
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(5.704.976.736)	(4.075.715.317)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		88.595.867	82.333.318
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	88.595.867	82.333.318
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		73.809.504.240	93.086.480.536

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		7.643.767.525	33.218.916.652
I. Nợ ngắn hạn	310		7.643.767.525	31.193.916.652
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	2.193.960.611	16.486.282.551
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	1.275.622.144	666.222.144
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.529.231.936	645.868.242
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	109.216.473	2.195.241.227
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	2.295.800.000	11.200.302.488
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	239.936.361	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330			2.025.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	-	2.025.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		66.165.736.715	59.867.563.884
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	66.165.736.715	59.867.563.884
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		55.773.000.000	55.773.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		55.773.000.000	55.773.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		287.923.633	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.104.813.082	4.094.563.884
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.566.703.890	4.094.563.884
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.538.109.192	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		73.809.504.240	93.086.480.536

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hương

Lập, ngày 18 tháng 11 năm 2016



Phạm Vũ Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	53.623.318.435	46.457.940.693
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	79.969.050
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	53.623.318.435	46.377.971.643
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	44.675.143.588	38.286.214.110
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.948.174.847	8.091.757.533
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	298.292.280	764.575
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	50.844.877	1.084.305.905
Trong đó: chi phí lãi vay	23		47.950.161	949.784.379
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	73.115.541	125.119.738
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	1.230.363.483	1.151.250.580
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.892.143.226	5.731.845.885
11. Thu nhập khác	31	VI.7	987.846.786	63.090.670
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.574.243.033	868.792.192
13. Lợi nhuận khác	40		(586.396.247)	(805.701.522)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.305.746.979	4.926.144.363
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	767.637.787	492.614.436
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.538.109.192	4.433.529.927
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.231	980
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	1.231	980

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hương

Lập, ngày 18 tháng 11 năm 2016



Phạm Vũ Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Dạng đầy đủ)

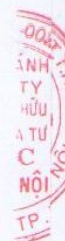
(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	yết min	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.305.746.979	4.926.144.363
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	1.629.261.419	1.375.153.664
- Các khoản dự phòng	03	V.6	458.115.136	355.212.957
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(260.000.000)	83.324
- Chi phí lãi vay	06		47.950.161	949.784.379
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.181.073.695	7.606.378.687
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.497.333.200)	(22.162.215.076)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.172.318.430	(3.250.744.334)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(14.318.737.400)	17.773.747.536
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6.262.549)	132.084.291
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.217.638.223)	(40.977.680)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(164.795.325)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.851.374.572)	58.273.425
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	44.200.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(9.390.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		260.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		13.260.000.000	(9.345.800.000)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
		yết min	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	15.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		8.528.800.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(19.458.302.488)	(4.343.906.579)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.929.502.488)	10.656.093.421
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(4.520.877.060)	1.368.566.846
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	5.343.875.091	1.475.867.190
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	822.998.031	2.844.434.036

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hương

Lập, ngày 18 tháng 11 năm 2016

Chủ tịch HĐQT



Phạm Vũ Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chè Hiệp Khánh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến, gia công chè; Bán buôn, bán lẻ chè và các mặt hàng nông, lâm sản; sản xuất, chế biến, gia công nông lâm sản; xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 11 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 11 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chỉ có chi phí công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 20
Máy móc và thiết bị	05 – 10

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa ghi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

13. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

17. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	800.877.051	5.218.833.119
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.120.980	125.041.972
Cộng	822.998.031	5.343.875.091

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các khách hàng khác	11.566.092.994	17.937.620.262
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp và Dạy nghề Đại An		10.285.489.500
DNTN Chè xuất khẩu Thanh Quang	499.287.840	2.943.720.240
Ông Đậu Bá Phong	1.861.680.000	1.861.680.000
Bà Phạm Thị Hoàng Yến	1.401.140.000	1.401.140.000
DNTN Chế biến Thương mại Thiện Phương	4.917.699.637	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Đại Thành Phát	1.465.200.000	
Các khách hàng khác	1.421.085.517	1.445.590.522
Cộng	11.566.092.994	17.937.620.262

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	8.927.294.660	
Công ty TNHH Trà và Đặc sản Tây Bắc	8.927.294.660	
Trả trước cho người bán khác	2.874.375.249	
Công ty TNHH Chè Đại Thành	2.488.891.164	
Các nhà cung cấp khác	385.484.085	
Cộng	11.801.669.909	

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan		13.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Tâm		6.390.000.000
Ông Nguyễn Đình Thắng		6.610.000.000
Cộng		13.000.000.000

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	3.502.835.000		3.000.000.000	
Tạm ứng	2.835.000			
Ký cược, ký quỹ	3.500.000.000		3.000.000.000	
Cộng	3.502.835.000		3.000.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	9.128.460.500		12.628.460.500	
Ký cược, ký quỹ	8.500.000.000		12.000.000.000	
Phải thu khác (*)	628.460.500		628.460.500	
Cộng	9.128.460.500		12.628.460.500	

(*) Là khoản chi phí giải phóng mặt bằng khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì Công ty được trừ dần vào tiền thuê đất hàng năm sau khi hết thời hạn được ưu đãi về tiền thuê đất.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các tổ chức và cá nhân khác (tiền bán hàng)		1.126.496.375	313.168.282		693.291.627	338.078.670
Mr Ahmad Shad - Asah Safi LTD	Từ 2 đến dưới 3 năm	526.618.155	161.348.584	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	526.618.155	276.140.560
Mr Shams - Mashahir Shargh International TPT co LTD	Từ 2 đến dưới 3 năm	386.371.650	118.378.978	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	32.853.387	17.227.194
Mr Raza- Ahmed Kudia - Abdul Sttar Shakoor Kudia Ltd.,(KUD)	Từ 3 năm trở lên	133.820.085	1.220.878	Từ 2 đến dưới 3 năm	133.820.085	44.710.916
Khách hàng khác	Từ 2 đến dưới 3 năm	40.302.192	12.348.039			
Khách hàng khác	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	39.384.293	19.871.803			
Cộng		1.126.496.375	313.168.282		693.291.627	338.078.670

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	Kỳ này
Trích lập dự phòng bổ sung	355.212.957
Số cuối kỳ	458.115.136
	813.328.093

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.603.831.067		711.787.508	
Thành phẩm	1.364.913.937		2.547.575.106	
Hàng hóa	16.206.652.159		19.088.352.979	
Cộng	20.175.397.163		22.347.715.593	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ dụng cụ còn phải phân bổ.

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	11.568.934.724	11.605.361.427	23.174.296.151
Số cuối kỳ	<u>11.568.934.724</u>	<u>11.605.361.427</u>	<u>23.174.296.151</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Chờ thanh lý			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.333.605.799	1.742.109.518	4.075.715.317
Khấu hao trong kỳ	568.523.932	1.060.737.487	1.629.261.419
Số cuối kỳ	<u>2.902.129.731</u>	<u>2.802.847.005</u>	<u>5.704.976.736</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	9.235.328.925	9.863.251.909	19.098.580.834
Số cuối kỳ	<u>8.666.804.993</u>	<u>8.802.514.422</u>	<u>17.469.319.415</u>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan		<u>3.858.951.400</u>
Công ty TNHH Trà và Đặc sản Tây Bắc		3.858.951.400
Phải trả các nhà cung cấp khác	<u>2.193.960.611</u>	<u>12.627.331.151</u>
Công ty TNHH Chè Đại Thành		10.233.564.836
Ông Trần Đức Thọ	300.500.000	300.500.000
Công ty TNHH Chè Shan Trúc Thanh	342.780.000	742.780.000
Bà Nguyễn Thị Trường	401.380.500	401.380.500
Các nhà cung cấp khác	1.149.300.111	949.105.815
Cộng	<u>2.193.960.611</u>	<u>16.486.282.551</u>

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các khách hàng khác	<u>1.275.622.144</u>	<u>666.222.144</u>
Mr Shakir - Aziz Kouchi Ltd (SHA)	124.820.850	124.820.850
Jan Faisal Ltd (JAN)	130.923.390	130.923.390
Assad Ullah - Wahid Samin Ltd	120.102.150	120.102.150
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng và Thương mại Việt Tiến	435.000.000	
Công ty Cổ phần Bán lẻ Đông Á	150.000.000	
Các khách hàng khác	314.775.754	290.375.754
Cộng	<u>1.275.622.144</u>	<u>666.222.144</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa			273.200.000		273.200.000	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	645.868.242		767.637.787	(164.795.325)	1.248.710.704	
Các loại thuế khác			3.000.000	(3.000.000)		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		34.106	7.355.338		7.321.232	
Cộng	645.868.242	34.106	1.051.193.125	(167.795.325)	1.529.231.936	

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng trong nước 10%
- Hàng xuất khẩu 0%
- Sản phẩm qua sơ chế bán ở khâu kinh doanh thương mại Không phải kê khai, tính nộp thuế

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định tại Thông tư 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 và Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Công ty được áp dụng mức thuế suất 20% trong vòng 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động, miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 6 năm tiếp theo. Công ty đã được miễn thuế 2 năm là 2010 và 2011, giảm 50% trong thời gian từ năm 2012 đến năm 2017.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.305.746.979	4.926.144.363
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	7.355.338	
- Các khoản điều chỉnh tăng	7.355.338	
Chi phí không được trừ	7.355.338	
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	7.313.102.317	4.926.144.363
Thu nhập tính thuế	7.313.102.317	4.926.144.363
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.462.620.463	985.228.873
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(731.310.232)	(492.614.437)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	36.327.556	
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	767.637.787	492.614.436

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>109.216.473</i>	<i>2.195.241.227</i>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	109.216.473	37.706.379
Lãi vay phải trả		2.157.534.848
Cộng	109.216.473	2.195.241.227

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

14a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>2.295.800.000</i>	<i>11.200.302.488</i>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội		7.150.321.126
Ông Phạm Duy	2.295.800.000	
Vay dài hạn đến hạn trả		4.049.981.362
Cộng	2.295.800.000	11.200.302.488

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	7.150.321.126		(7.150.321.126)	
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác		8.528.800.000	(6.233.000.000)	2.295.800.000
Vay dài hạn đến hạn trả	4.049.981.362		(4.049.981.362)	
Số cuối kỳ	11.200.302.488	8.528.800.000	(17.433.302.488)	2.295.800.000

14b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i></i>	<i>2.025.000.000</i>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội		2.025.000.000
Cộng		2.025.000.000

Khoản vay theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 1006THNC022/HĐTĐ-TDĐH/2010 ngày 13 tháng 8 năm 2010, thời hạn vay là 7 năm, mục đích vay để đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất chè, lãi suất trong hạn là 16,5% được điều chỉnh theo từng khế ước. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp hình thành từ vốn vay là dây chuyền sản xuất và nhà xưởng sản xuất; thế chấp bằng quyền sử dụng đất của bên thứ 3.

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	2.025.000.000
Số tiền vay đã trả	(2.025.000.000)
Số cuối kỳ	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	239.936.361
Số cuối kỳ	239.936.361

16. Vốn chủ sở hữu

16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	31.850.000.000		(704.163.346)	31.145.836.654
Tăng vốn trong kỳ trước	23.923.000.000			23.923.000.000
Trong đó: thu bằng tiền	15.000.000.000			15.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ trước			4.433.529.927	4.433.529.927
Số dư cuối kỳ trước	55.773.000.000		3.729.366.581	59.502.366.581
Số dư đầu năm nay	55.773.000.000		4.094.563.884	59.867.563.884
Lợi nhuận trong kỳ này			6.538.109.192	6.538.109.192
Trích lập các quỹ		287.923.633	(527.859.994)	(239.936.361)
Số dư cuối kỳ này	55.773.000.000	287.923.633	10.104.813.082	66.165.736.715

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Phạm Vũ Khánh	5.600.000.000	5.600.000.000
Bà Nguyễn Thị Thắm	4.600.000.000	4.600.000.000
Ông Phạm Vũ Tuấn	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư chuyên nghiệp Việt Nam	13.146.480.000	
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 3	5.890.000.000	
Cổ đông khác	26.436.520.000	45.473.000.000
Cộng	55.773.000.000	55.773.000.000

16c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	5.577.300	5.577.300
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	5.577.300	5.577.300
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.577.300	5.577.300
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

16d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ-ĐHĐCD ngày 03 tháng 4 năm 2016 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	287.923.633
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	239.936.361

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****17a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	191,64	5.152,02

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	51.614.622.775	33.006.017.216
Doanh thu bán thành phẩm	2.008.695.660	13.451.923.477
Cộng	<u>53.623.318.435</u>	<u>46.457.940.693</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	43.327.247.498	26.658.751.002
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.347.896.090	11.627.463.108
Cộng	<u>44.675.143.588</u>	<u>38.286.214.110</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	117.792	75.276
Lãi cho vay	260.000.000	
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	38.174.488	542.299
Doanh thu tài chính khác		147.000
Cộng	<u>298.292.280</u>	<u>764.575</u>

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	47.950.161	949.784.379
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.767.179	130.955.114
Chi phí tài chính khác	1.127.537	3.566.412
Cộng	<u>50.844.877</u>	<u>1.084.305.905</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

Lãi cơ bản trên giá trị vốn cổ phiếu

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Chi phí xuất khẩu	73.115.541	125.119.738
Cộng	<u>73.115.541</u>	<u>125.119.738</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi doanh nghiệp, gồm lợi nhuận kế toán và các khoản chi khác phân bổ cho cổ đông

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	484.319.000	447.234.200
Chi phí đồ dùng văn phòng	50.730.179	81.144.972
Chi phí khấu hao tài sản cố định	68.412.568	68.412.568
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	458.115.136	355.212.957
Các chi phí khác	165.786.600	196.245.883
Cộng	<u>1.230.363.483</u>	<u>1.151.250.580</u>

7. Thu nhập khác

Công ty nhận công

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý, nhượng bán CCDC		63.000.000
Lãi vay được miễn giảm	987.846.786	
Thu nhập khác		90.670
Cộng	<u>987.846.786</u>	<u>63.090.670</u>

8. Chi phí khác

Chi phí khác

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý, nhượng bán		83.324
Giá trị còn lại CCDC thanh lý, nhượng bán		92.325.075
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	6.038.844	4.461.660
Tiền phạt, truy thu thuế	7.355.338	
Chi phí khấu hao	1.560.848.851	760.756.833
Chi phí khác		11.165.300
Cộng	<u>1.574.243.033</u>	<u>868.792.192</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.538.109.192	4.433.529.927
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(326.905.460)	(221.676.496)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	6.865.014.652	4.655.206.423
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	5.577.300	4.751.230
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.231</u>	<u>980</u>

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	* Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		3.911.967.866
Chi phí nhân công	484.319.000	770.201.200
Chi phí khấu hao tài sản cố định	68.412.568	614.396.831
Chi phí dịch vụ mua ngoài	193.107.001	342.320.701
Chi phí khác	557.640.455	457.253.991
Cộng	<u>1.303.479.024</u>	<u>6.096.140.589</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi vay được miễn, giảm	987.846.786	

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
Năm nay Năm trước

Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty thu lại tiền cho vay 13.000.000.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.4.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 138.816.550 VND (cùng kỳ năm trước là 135.950.667 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Trà và Đặc sản Tây Bắc	Ông Phạm Vũ Khánh là Chủ tịch Hội đồng thành viên

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
Năm nay Năm trước

<i>Công ty TNHH Trà và Đặc sản Tây Bắc</i>		
Mua hàng hóa	23.378.820.400	3.851.050.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.10.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ sản xuất và kinh doanh các mặt hàng nông sản, chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, tỷ trọng hàng xuất khẩu chiếm không đến 10% tổng doanh thu của Công ty.

3. Số liệu so sánh

3a. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

TRÁ
KIỂM
ĐÓNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ					
Phải trả ngắn hạn khác	319	37.706.379	2.157.534.848	2.195.241.227	(i)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		11.200.302.488	11.200.302.488	(ii)
Phải trả dài hạn khác	337	2.157.534.848	(2.157.534.848)		(i)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	13.225.302.488	(11.200.302.488)	2.025.000.000	(ii)

(i) Lãi vay phải trả trình bày sang ngắn hạn

(ii) Trình bày lại khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn đến hạn trả sang ngắn hạn

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là trung bình.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Công ty cho các cá nhân vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản trương đương tiền	822.998.031				822.998.031
Phải thu khách hàng	10.439.596.620			1.126.496.374	11.566.092.994
Các khoản phải thu khác	628.460.500				628.460.500
Cộng	11.891.055.151			1.126.496.374	13.017.551.525
Số đầu năm					
Tiền và các khoản trương đương tiền	5.343.875.091				5.343.875.091
Phải thu khách hàng	17.244.328.635			693.291.627	17.937.620.262
Các khoản cho vay	13.000.000.000				13.000.000.000
Các khoản phải thu khác	628.460.500				628.460.500
Cộng	36.216.664.226			693.291.627	36.909.955.853

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	2.193.960.611			2.193.960.611
Vay và nợ	2.295.800.000			2.295.800.000
Cộng	4.489.760.611			4.489.760.611
Số đầu năm				
Phải trả người bán	16.486.282.551			16.486.282.551
Vay và nợ	11.200.302.488	2.025.000.000		13.225.302.488
Các khoản phải trả khác	2.157.534.848			2.157.534.848
Cộng	29.844.119.887	2.025.000.000		31.869.119.887

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 10 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	191,64	5.152,02
Phải thu khách hàng	52.310,34	52.251,59
Tài sản thuần có gốc ngoại tệ	52.501,98	57.403,61

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

4d. *Tài sản đảm bảo*

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 10 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ HIỆP KHÁNH

Địa chỉ: xã Trung Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 10 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	822.998.031		5.343.875.091	
Phải thu khách hàng	11.566.092.994	(813.328.093)	17.937.620.262	(355.212.957)
Các khoản cho vay			13.000.000.000	
Các khoản phải thu khác	628.460.500		628.460.500	
Cộng	13.017.551.525	(813.328.093)	36.909.955.853	(355.212.957)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	2.193.960.611	16.486.282.551
Vay và nợ	** 2.295.800.000	13.225.302.488
Các khoản phải trả khác		2.157.534.848
Cộng	4.489.760.611	31.869.119.887

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

7. Thông tin khác

Số liệu so sánh đầu năm trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long T.D.K. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ được Công ty lập phục vụ cho mục đích so sánh. Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015 chưa được soát xét bởi một tổ chức kiểm toán độc lập.

Lập, ngày 18 tháng 11 năm 2016

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hương

Chủ tịch HĐQT



Phạm Vũ Khánh